

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH THEO LUẬT CẠNH TRANH NĂM 2018

TRẦN THÙY LINH* - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY**

Trong số các hành vi được luật cạnh tranh điều chỉnh, hành vi hạn chế cạnh tranh (HCCT) gây ra những tác động nghiêm trọng nhất cho thị trường. Bởi vậy, việc kiểm soát hành vi và xử lý những vi phạm đối với hành vi HCCT có ý nghĩa quan trọng để đảm bảo trật tự cạnh tranh trên thị trường. Các quy định của Luật cạnh tranh năm 2018 có nhiều điểm tiến bộ, khắc phục được những điểm hạn chế của Luật cạnh tranh năm 2004 về xử lý vi phạm đối với hành vi HCCT nhưng vẫn còn một số điểm bất cập cần khắc phục.

Từ khóa: Hạn chế cạnh tranh, xử lý vi phạm về cạnh tranh, Luật cạnh tranh năm 2018.

Ngày nhận bài: 10/4/2021; Biên tập xong: 13/4/2021; Duyệt đăng: 15/4/2021

Anti-competitive practices cause the most serious impacts on the market. Therefore, controlling the behaviors and sanctions against violations of anti-competitive practices are important to ensure the order of competition in the market. Although the provisions of the 2018 Competition Law have many progressive points in compared with the 2004 one on sanctions against violations of anti-competitive practices, it still need to improve several shortcomings.

Keywords: Anti-competitive practices, sanctions against violations of competition law, the 2018 Competition Law.

1. Các biện pháp xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh năm 2018

Các biện pháp xử lý đối với vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh được quy định tại Điều 110 và Điều 111 Luật cạnh tranh (LCT) năm 2018. Theo đó, doanh nghiệp thực hiện hành vi HCCT bao gồm: Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền thị trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Về biện pháp xử phạt vi phạm hành chính, Điều 110 LCT năm 2018 quy định các biện pháp hành chính áp dụng đối với vi phạm pháp luật về cạnh tranh (bao gồm vi phạm quy định về HCCT) gồm có: (i) Xử phạt chính; (ii) Xử phạt bổ sung; và (iii) Các biện pháp khắc phục hậu quả.

Hình thức xử phạt chính: Theo khoản 2 Điều 110 LCT năm 2018, doanh nghiệp thực hiện hành vi vi phạm quy định về HCCT có thể phải gánh chịu một trong hai hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền. Đồng thời, tại Điều 27 Nghị định 75/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực luật cạnh tranh (Nghị định 75/2019) cũng quy định: Hội đồng xử lý vụ việc HCCT có thẩm quyền phạt

cảnh cáo và phạt tiền trong việc xử phạt hành vi vi phạm hành chính về thỏa thuận HCCT, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền. Tuy nhiên, theo quy định tại Mục 1 và Mục 2, Chương II Nghị định 75/2019, biện pháp xử phạt chính duy nhất áp dụng với hành vi vi phạm quy định về HCCT là phạt tiền, trong đó, quy định rõ về mức phạt tiền tối đa, khung tiền phạt, cách xác định mức phạt tiền cụ thể đối với vi phạm về hành vi HCCT.

Về mức phạt tiền tối đa, theo khoản 1 Điều 111 LCT năm 2018 và khoản 1 Điều 4 Nghị định 75/2019 là “10% tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm, nhưng thấp hơn mức phạt tiền thấp nhất đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm được quy định trong Bộ luật hình sự”. Theo quy định tại Điều 217 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mức phạt tiền thấp nhất đối với cá nhân thực hiện hành vi thỏa thuận HCCT là 200.000.000 đồng, còn đối với pháp nhân thương mại thực hiện hành vi thỏa thuận HCCT là 1.000.000.000 đồng.

Về khung tiền phạt, Điều 6 Nghị định 75/2019 quy định với hành vi thỏa thuận HCCT của các doanh nghiệp trên cùng thị trường liên quan

*, ** Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh

(thỏa thuận HCCT theo chiều ngang) bị áp dụng mức phạt tiền từ 01% đến 10% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liên kế trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp là các bên tham gia thỏa thuận. Điều 7 Nghị định 75/2019 quy định với hành vi thỏa thuận HCCT của các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định (thỏa thuận HCCT theo chiều dọc) thì bị áp dụng mức phạt tiền từ 01% đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liên kế trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp là các bên tham gia thỏa thuận. Trong khi đó, khung tiền phạt áp dụng đối với hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và lạm dụng vị trí độc quyền thị trường là từ 01% đến 10% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liên kế trước năm thực hiện hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

Mức tiền phạt cụ thể, theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định 75/2019 là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó. Mức tiền phạt có thể được giảm nhẹ hoặc tăng lên nhưng không quá 15% mức trung bình của khung hình phạt nếu có tình tiết giảm nhẹ hoặc tình tiết tăng nặng tương ứng. Trong trường hợp mức tiền phạt được giảm nhẹ hay tăng lên thì vẫn phải nằm trong khung tiền phạt theo quy định.

Có thể thấy, tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liên kế trước năm thực hiện hành vi vi phạm là căn cứ để xác định mức phạt tiền tối đa, xác định khung tiền phạt cũng như mức phạt tiền cụ thể. Một điểm tiến bộ của LCT năm 2018 so với LCT năm 2004 chính là đã dự liệu quy định trường hợp tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liên kế trước năm thực hiện hành vi vi phạm được xác định bằng 0 (không) thì áp dụng mức phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng (khoản 3 Điều 4 Nghị định 75/2019).

Hình thức xử phạt bổ sung: Các biện pháp xử phạt bổ sung áp dụng đối với hành vi vi phạm về HCCT được quy định tại khoản 3 Điều 110 LCT năm 2018 và khoản 2 Điều 3 Nghị định 75/2019 bao gồm:

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 12 tháng;
- Tịch thu tang vật vi phạm, phương tiện được sử dụng để vi phạm;
- Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm;

- Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương.

Các biện pháp khắc phục hậu quả: Ngoài các hình thức xử phạt theo quy định nêu trên, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về HCCT còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 110 LCT năm 2018 và khoản 3 Điều 3 Nghị định 75/2019. Cụ thể:

- Buộc cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền;

- Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao dịch kinh doanh;

- Buộc cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu;

- Buộc khôi phục các điều kiện phát triển kỹ thuật, công nghệ mà doanh nghiệp đã cản trở;

- Buộc loại bỏ các điều kiện bất lợi đã áp đặt cho khách hàng;

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

2. Đánh giá các quy định của Luật Cạnh tranh 2018 về xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh

2.1. Về những điểm tiến bộ

Có thể thấy LCT năm 2018 đã ghi nhận các biện pháp xử lý toàn diện đối với vi phạm về HCCT. Các quy định về xử lý vi phạm đối với hành vi HCCT nói riêng và vi phạm trong lĩnh vực cạnh tranh nói chung. Đây là một trong những nội dung thể hiện sự tiến bộ của LCT năm 2018 so với LCT năm 2004, cụ thể:

Thứ nhất, quy định về áp dụng chế tài hình sự đối với các vi phạm pháp luật về hành vi HCCT thể hiện sự thay đổi trong nhận thức của nhà làm luật về tính chất nghiêm trọng của hành vi HCCT, đưa Việt Nam theo xu thế chung của nhiều nước trên thế giới trong việc coi hình sự hóa các vi phạm cạnh tranh là cần thiết cho việc đảm bảo chính sách cạnh tranh có hiệu quả. Trong pháp luật cạnh tranh hiện đại, cơ sở để xử lý hình sự các hành vi HCCT nói chung xuất phát trước tiên từ tính chất nghiêm trọng của các tác hại mà hành vi HCCT gây ra đối với người tiêu dùng và nền kinh tế. Theo đó, các hành vi phản cạnh tranh không chỉ gây thiệt hại cho người tiêu dùng do giá thành cao, lựa chọn ít mà nó còn tạo ra sự lãng phí (deadweight loss), cản trở sự phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội thông qua việc bỏ chi phí duy trì các doanh nghiệp kém hiệu quả, trì hoãn không áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và loại bỏ động lực nâng cao hiệu quả kinh doanh. Nhìn nhận từ khía cạnh xã hội, các hành vi như câu kết ấn định giá hay áp đặt mức giá bất hợp lý, găm hàng tạo khan hiếm trên thị trường để tăng giá về bản chất cũng có yếu tố chiếm đoạt

như các tội “trộm cắp” hay “lừa đảo”. Quy định của LCT năm 2018 về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh là đảm bảo sự thống nhất với quy định của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về Tội vi phạm quy định về cạnh tranh tại Điều 217.

Thứ hai, quy định về mức phạt tiền tối đa 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm là phù hợp với thông lệ quốc tế. Trong mỗi vụ việc, mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm sẽ được xác định cụ thể trên tỷ lệ phần trăm nhất định từ doanh thu trên thị trường liên quan nhưng không được vượt quá mức phạt tiền tối đa. Hành vi HCCT thường liên quan đến những doanh nghiệp lớn, có sức mạnh trên thị trường, với tổng doanh thu mỗi năm lên tới hàng nghìn tỷ đồng, vì vậy mức phạt tối đa 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp trên thị trường liên quan được cho là mức đủ lớn, đủ tính răn đe nhưng không dẫn đến hậu quả làm phá sản doanh nghiệp, có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường. Đặc biệt, tổng doanh thu là căn cứ để xác định mức tiền phạt tối đa là tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan, tức là tổng doanh thu của doanh nghiệp đối với loại hàng hóa, dịch vụ trên thị trường liên quan mà doanh nghiệp thực hiện hành vi vi phạm chứ không phải là tổng doanh thu của cả doanh nghiệp. Quy định này là hợp lý, khắc phục hạn chế của LCT năm 2004 khi quy định căn cứ xác định mức phạt tiền là tổng doanh thu của cả doanh nghiệp trong khi một doanh nghiệp có thể kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ nhưng doanh nghiệp chỉ có hành vi vi phạm LCT trong kinh doanh một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định. Thậm chí, trong một số vụ việc, doanh thu phát sinh từ việc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp. Vì vậy, mức phạt dựa trên căn cứ “tổng doanh thu” của doanh nghiệp như LCT năm 2004 không phản ánh đúng mức độ tác động của hành vi vi phạm và không tương xứng với thiệt hại trên thị trường do hành vi vi phạm gây ra.

Thứ ba, việc sử dụng doanh thu của năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm chứ không phải là doanh thu của doanh nghiệp tại thời điểm vi phạm nhằm đảm bảo tính xác định về mặt số liệu, đặc biệt có ý nghĩa đối với các trường hợp đưa ra quyết định xử lý vào thời điểm chưa kết thúc năm tài chính hoặc chưa có số liệu về tổng doanh thu trong năm tài chính của năm thực hiện hành vi vi phạm.

Có thể thấy, quy định của LCT năm 2018

về căn cứ tính mức xử phạt là tương đồng với LCT của nhiều nước trên thế giới. Với quan điểm quyết định xử phạt dựa vào các căn cứ hợp lý để doanh nghiệp tiếp tục tồn tại, nhiều quốc gia đã áp dụng nguyên tắc tính mức xử phạt căn cứ theo doanh thu trên thị trường liên quan hoặc thị trường bị ảnh hưởng, đảm bảo tính hợp lý nhưng cũng mang sức răn đe.

Thứ tư, quy định của Nghị định 75/2019 về xác định mức phạt tiền cụ thể đã khắc phục được thiếu sót của Nghị định 71/2014 khi đưa ra các căn cứ để xác định mức độ xử lý đối với các hành vi vi phạm nhưng không quy định cụ thể việc sử dụng và đánh giá các căn cứ để xác định tỷ lệ tính mức phạt như thế nào, vốn gây khó khăn cho cơ quan cạnh tranh trong việc xác định mức phạt tiền cụ thể đối với các doanh nghiệp vi phạm, thậm chí gây tranh cãi trong quyết định mức độ xử lý vi phạm hoặc có thể dẫn đến việc tùy tiện trong quyết định mức phạt.

Thứ năm, đối với quy định về biện pháp xử phạt bổ sung, việc tách riêng biện pháp Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm ra khỏi biện pháp Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm bao gồm cả tịch thu toàn bộ khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm đã được quy định của LCT năm 2004 là hợp lý. Bởi lẽ, về bản chất, khoản lợi nhuận thu được từ hành vi vi phạm không phải, và không thể là tang vật hay phương tiện sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm.

Thứ sáu, về các biện pháp khắc phục hậu quả, LCT năm 2018 đã khắc phục được hạn chế của LCT năm 2004 khi quy định liệt kê cứng nhắc, điều chỉnh trực tiếp theo biểu hiện bên ngoài của hành vi; do đó, một biện pháp chỉ có thể phù hợp đối với một vài vụ việc với một hành vi vi phạm nhất định. Ví dụ: Buộc loại bỏ các điều kiện bất lợi đã áp đặt cho khách hàng chỉ áp dụng đối với các vi phạm liên quan đến hành vi áp đặt điều kiện bất lợi cho khách hàng; biện pháp buộc sử dụng hoặc bán lại các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đã mua nhưng không sử dụng chỉ áp dụng đối với các vi phạm liên quan đến hành vi mua sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp để tiêu hủy hoặc không sử dụng...

LCT năm 2018 đã áp dụng cả các biện pháp khắc phục hậu quả theo cấu trúc (cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền) và cả các biện pháp khắc phục hậu quả theo hành vi (các biện pháp còn lại). Về bản chất, các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định hiện hành đều hướng tới mục tiêu chính là dừng, chấm dứt hành vi vi phạm, khôi phục, cải thiện tình trạng cạnh tranh trên thị

trường cũng như phòng ngừa những vi phạm có thể xảy ra trong tương lai. Đặc biệt, các biện pháp khắc phục hành vi hiện nay đã quy định theo hướng chung, điều chỉnh tác động của hành vi như vậy là phù hợp với xu thế của LCT các nước. Theo kinh nghiệm của các nước đi trước, nhóm biện pháp khắc phục theo hành vi thường được đưa ra dưới dạng buộc một doanh nghiệp phải thực hiện một số yêu cầu của cơ quan cạnh tranh hoặc chấm dứt thực hiện các hành vi có tác động xấu tới môi trường cạnh tranh. Biện pháp khắc phục theo hành vi, vì vậy, thường rất linh hoạt để phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh thị trường cũng như đặc thù trong hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp. Trên thực tiễn, pháp luật cạnh tranh của nhiều nước không quy định quá chi tiết, cụ thể về các biện pháp khắc phục hậu quả mà đòi hỏi cơ quan cạnh tranh phải xem xét, đánh giá và quyết định về biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng vụ việc, từng ngành. Ví dụ: Luật chống độc quyền Nhật Bản quy định cơ quan cạnh tranh có quyền yêu cầu doanh nghiệp vi phạm thực hiện các biện pháp cần thiết để khôi phục cạnh tranh trên thị trường. Chính vì vậy, các cơ quan quốc tế đều có chung quan điểm cho rằng, việc thiết kế được biện pháp khắc phục hậu quả phù hợp, hiệu quả là một nội dung điều tra không kém phần quan trọng so với điều tra xác định hành vi vi phạm.

2.2. Về những điểm hạn chế

Thứ nhất, như đã chỉ ra, cả LCT năm 2018 và Nghị định 75/2019 đều quy định tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định về HCCT phải gánh chịu một trong hai hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền. Tuy nhiên, không có bất kỳ quy định nào chỉ rõ hình thức cảnh cáo sẽ được áp dụng trong những trường hợp nào và được áp dụng như thế nào. Đồng thời, tại Mục 1 và Mục 2, Chương II Nghị định 75/2019 quy định cụ thể về hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về HCCT thì hình thức xử phạt chính duy nhất được đề cập đến là phạt tiền. Điều này cho thấy sự thiếu thống nhất trong quy định, gây ra sự mơ hồ trong việc áp dụng các biện pháp xử phạt chính đối với hành vi vi phạm quy định về HCCT.

Thứ hai, quy định về việc áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại còn chung chung. Khoản 1 Điều 110 mới là quy định mang tính nguyên tắc về khả năng áp dụng chế tài dân sự bồi thường thiệt hại cho các vi phạm về cạnh tranh nói chung mà chưa chỉ rõ khả năng áp dụng cho vi phạm về HCCT nói riêng, cũng như chưa có cơ chế cụ thể cho việc thực thi quy định này.

Thứ ba, quy định về mức phạt tiền tính theo tỷ lệ phần trăm dựa trên doanh thu là hợp lý nhưng chưa đủ vì chưa phản ánh yếu tố thời gian vi

phạm của doanh nghiệp, do đó, có thể chưa đủ sức răn đe cũng như chưa công bằng trong việc áp dụng với các doanh nghiệp với thời gian vi phạm khác nhau. Ví dụ một doanh nghiệp thực hiện hành vi lạm dụng trong khoảng thời gian kéo dài thì khoản lợi thu được từ việc thực hiện hành vi lạm dụng có thể vượt quá 10% doanh thu một năm từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó.

Thứ tư, việc coi biện pháp Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm là một biện pháp xử phạt bổ sung là chưa hợp lý và khiên cưỡng. Bởi lẽ, việc tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm thực chất có mục đích là khôi phục về tình trạng ban đầu nếu không có hành vi vi phạm. Khoản lợi nhuận bị tịch thu do đó không thuộc về doanh nghiệp nếu nó không thực hiện hành vi vi phạm về lạm dụng. Với mục đích khôi phục tình trạng ban đầu, biện pháp này nên nằm trong nhóm các biện pháp khắc phục hậu quả. Trong khi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính xem xét khoản lợi nhuận bất hợp pháp dưới hình thức biện pháp khắc phục hậu quả, pháp luật cạnh tranh cũng cần điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

3. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của Luật cạnh tranh năm 2018 về xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh

Thứ nhất, cần xác định rõ với vi phạm về HCCT thì có áp dụng hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hay không. Nếu áp dụng, cần quy định cụ thể vi phạm về HCCT trong trường hợp nào sẽ áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo. Tuy nhiên, theo ý kiến tác giả, vi phạm về HCCT bao gồm thỏa thuận HCCT, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và lạm dụng vị trí độc quyền thị trường đều là những hành vi có thể gây ra những tác động nghiêm trọng cho thị trường. Do đó, có thể sửa quy định theo hướng các vi phạm về HCCT đều bị áp dụng hình thức xử phạt chính là phạt tiền mà không có trường hợp áp dụng hình thức xử phạt chính là cảnh cáo để đủ sức răn đe đối với các chủ thể có ý định thực hiện hành vi vi phạm.

Thứ hai, xây dựng quy định cụ thể về cơ chế bồi thường thiệt hại đối với hành vi vi phạm luật cạnh tranh nói chung và hành vi HCCT nói riêng.

Như đã phân tích, quy định về bồi thường thiệt hại cho các vi phạm về cạnh tranh mới chỉ được ghi nhận chung chung tại Điều 110 LCT năm 2018 mà chưa rõ khả năng áp dụng cho vi phạm về HCCT nói riêng, cũng như chưa có cơ chế cụ thể cho việc thực thi quy định này. Với cách quy định như hiện nay, cộng với trước đây theo quy định của Nghị định số 71/2014 quy

định chi tiết về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh, có thể thấy vấn đề này sẽ được dẫn chiếu đến các quy định của pháp luật dân sự để giải quyết theo chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Điều này là không hợp lý bởi bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật cạnh tranh, đặc biệt là do hành vi HCCT là rất đặc thù, không tương đồng về bản chất với việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như trong Luật dân sự. Kinh nghiệm ở các nước trên thế giới, điển hình như Hoa Kỳ cũng có những nguyên tắc, quy định riêng áp dụng cho việc bồi thường thiệt hại do hành vi phản cạnh tranh gây ra. Theo Luật chống độc quyền Hoa Kỳ, các cá nhân, tập đoàn, hiệp hội, thậm chí chính quyền các tiểu bang đều có thể đưa đơn kiện và đòi bồi thường thiệt hại về một hành vi phản cạnh tranh nếu đáp ứng các nguyên tắc về bồi thường thiệt hại. Các nguyên tắc mà Hoa Kỳ áp dụng đối với các vụ việc về bồi thường thiệt hại do hành vi phản cạnh tranh gây ra bao gồm:

- Có thiệt hại trong cạnh tranh: Nguyên đơn phải chỉ ra được thiệt hại mà họ đòi bồi thường và thiệt hại đó phải là loại thiệt hại được Luật chống độc quyền bảo vệ. Điều 4 Đạo luật Clayton của Hoa Kỳ cho phép bồi thường thiệt hại "cho những người nào đã bị thiệt hại trong hoạt động kinh doanh hoặc thiệt hại về tài sản do một hành vi vi phạm pháp luật chống độc quyền gây ra".

- Quyền được khởi kiện (standing): Yêu cầu này sẽ giới hạn phạm vi nguyên đơn của vụ kiện, bởi ai cũng có thể nhận mình là người bị thiệt hại trong kinh doanh, hoặc thiệt hại về tài sản do hành vi phản cạnh tranh của bị đơn gây ra. Các Tòa án ở Hoa Kỳ thường yêu cầu nguyên đơn phải chứng minh mình là nguyên đơn được "ưu tiên" bằng cách chỉ ra nhiều nhất các yếu tố chứng minh thiệt hại của mình trong mối liên hệ trực tiếp nhất với hành vi của bị đơn.

- Quy tắc người mua trực tiếp: Hành vi phản cạnh tranh của bị đơn có thể gây thiệt hại cho người mua trực tiếp, những người sau đó mua hàng của người này và người tiêu thụ cuối cùng, nhưng chỉ có người mua hàng trực tiếp mới có quyền khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với hành vi phản cạnh tranh của bị đơn.

Những quy định của Hoa Kỳ về vấn đề này có thể không hoàn toàn phù hợp cho việc áp dụng trực tiếp vào LCT Việt Nam nhưng sẽ có ý nghĩa nhất định cho việc hoàn thiện cơ sở lý luận, từ đó, xây dựng các quy định cụ thể cho vấn đề bồi thường thiệt hại do hành vi HCCT ở Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, liên quan đến quy định về mức phạt tiền tối đa đối với hành vi lạm dụng vị trí thống

lĩnh thị trường (và đối với hành vi thỏa thuận HCCT) nên bổ sung thêm yếu tố thời gian vi phạm của doanh nghiệp vào căn cứ tính để đảm bảo đủ sức răn đe cũng như đảm bảo công bằng trong việc áp dụng đối với các doanh nghiệp với thời gian vi phạm khác nhau. Cụ thể, có thể quy định mức phạt tiền tối đa không quá 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm bắt đầu thực hiện hành vi vi phạm nhân với số năm thực hiện hành vi vi phạm.

Thứ tư, chuyển biện pháp Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm sang nhóm các biện pháp khắc phục hậu quả. Như đã phân tích, việc xếp biện pháp này nằm trong nhóm biện pháp xử phạt bổ sung là chưa hợp lý bởi việc tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm thực chất có mục đích là khôi phục về tình trạng ban đầu nếu không có hành vi vi phạm. Khoản lợi nhuận bị tịch thu do đó không thuộc về doanh nghiệp nếu nó không thực hiện hành vi vi phạm về lạm dụng. Với mục đích khôi phục tình trạng ban đầu, biện pháp này nên nằm trong nhóm các biện pháp khắc phục hậu quả. Trong khi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính xem xét khoản lợi nhuận bất hợp pháp dưới hình thức biện pháp khắc phục hậu quả, pháp luật cạnh tranh cũng cần điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

Tóm lại, việc hoàn thiện các quy định về xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh chắc chắn sẽ có ý nghĩa trong việc hoàn thiện môi trường cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, duy trì động lực phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội thông qua việc bỏ chi phí duy trì các doanh nghiệp kém hiệu quả, trì hoãn không áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và loại bỏ động lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật cạnh tranh năm 2018;
2. Nghị định 75/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực luật cạnh tranh;
3. Nghị định 71/2014/ NĐ-CP quy định chi tiết luật cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh;
4. Federico Etro (2006), *The EU approach to Abuse of Dominance*, Ed. ECG and Intertec, Milan;
5. US Congress (1914), *Clayton Antitrust Act*. Nguồn truy cập: http://www.stern.nyu.edu/networks/ShermanClaytonFTC_Acts.pdf